**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

Thứ Ba ngày 17 tháng 9 năm 2024

**Môn học: Học vần**

**Bài : Ô – ô . Dấu ngã**

**1. Yêu cầu cần đạt**

- Giúp HS quan sát tranh khởi động, biết trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh có tên gọi có tiếng chứa âm *ô, dấu ngã*.

- Nhận diện được sự tương hợp giữa âm và chữ *ô, dấu ngã*.

- Đọc được chữ *ô, cô*. Viết được chữ *ô, cô và số 7*.

- Nhận biết được tiếng có âm chữ *ô, dấu ngã*. Nói câu có từ ngữ chưa tiếng có âm *chữ ô, dấu ngã.*

- Hình thành năng lực hợp tác qua việc hoạt động nhóm.

- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ thông qua hoạt động tập viết.

**2. Đồ dùng dạy học:**

- SHS,VTV, SGV

- Một số tranh minh họa, thẻ từ. Tranh chủ đề,

- Thẻ chữ *ô* ( in thường, in hoa, viết thường)

**3. Hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của GV** |  **Hoạt động của HS** |
| 2’5’10’51020105 | **TIẾT 1****1. Hoạt động mở đầu:**- HS hát**2. Hoạt động cơ bản:**- Quan sát tranh và nói tiếng có từ ngữ chứa *ô, dấu ngã*?- Trong các tiếng vừa tìm được có gì giống nhau?- GV giới thiệu bài: *Ô, ô* **a. HĐ 1: Nhận diện âm chữ mới*****a.1. Nhận diện âm chữ mới****a. Nhận diện âm chữ ô*- Học sinh quan sát chữ *ô* in thường, in hoa.- GV đọc mẫu chữ *ô*- HS đọc chữ *ô*.*b. Nhận diện thanh ngã*- Các em nghe cô đọc: cô – cỗ, ba – bã, bo – bõ. Vậy bạn nào tìm ra được điểm khác nhau giữa 3 cặp từ cô vừa đọc?- Nêu cho cô tiếng có chứa dấu ngã?- Yêu cầu HS quan sát dấu ngã và đọc tên***a.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng****a. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có âm chữ ô*- GV cho HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *cô*.- HS phân tích tiếng *cô*.- Đọc mẫu*b. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng có dấu ngã*- GV cho HS quan sát mô hình đánh vần tiếng *cỗ*.- HS phân tích tiếng *cỗ*.- Đọc mẫu**b.HĐ 2: Đánh vần tiếng khóa, đọc trơn từ khóa*****b.1.Đánh vần và đọc trơn từ khóa cô***- Các em quan sát mô hình từ khóa *cô* và xem có âm gì hôm nay mình học?- Bạn nào đánh vần từ khóa này?- Đọc trơn.***b.2.Đánh vần và đọc trơn từ khóa cỗ***- Các em quan sát mô hình từ khóa *cỗ* và xem có âm gì hôm nay mình học?- Bạn nào đánh vần từ khóa này?- Đọc trơn.**HĐ3. Tập viết****3.1. Viết chữ ô**- GV cho HS phân tích cấu tạo chữ *ô*- GV viết mẫu trên bảng.- Hướng dẫn viết vào bảng con.**3.2. Viết chữ cô**- GV cho HS phân tích cấu tạo chữ *cô*- GV viết mẫu trên bảng.- HS viết vào bảng con.**3.3. Viết chữ cỗ**- GV cho HS phân tích cấu tạo chữ *cỗ*- GV viết mẫu trên bảng.- HS viết vào bảng con.**3.4. Viết số 7**- Tương tự cách làm đối với viết số 1.- HS viết vào vở tập viết chữ *ô, cô, cỗ và số 7***TIẾT 2****HĐ4. Luyện tập đánh vần, đọc trơn*****4.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng***- Tìm các tiếng có chứa âm *ô, dấu ngã*?- HS thảo luận tìm nghĩa của các từ đó.- Nói câu có chứa từ mở rộng?- Tìm thêm một số từ/ tiếng có chứa *ô, dấu ngã****4.2. Đọc và tìm hiểu nội dung câu ứng dụng.***- GV đọc mẫu: *bà có cỗ*- Tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc- HS đánh vần một số từ khó và đọc thành tiếng câu ứng dụng.- GV giúp HS hiểu nghĩa của câu: *Bà có cỗ.***HĐ5. Hoạt động mở rộng**\* Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu bài học\* Phương pháp: Vấn đáp, trực quan.- Quan sát tranh và phát hiện được nội dung tranh?**3. Củng cố, nối tiếp**- Cho HS đọc lại bài vừa học, nhận diện âm ô, dấu ngã.- Viết bài trong vở tập viết ( nếu chưa viết kịp)- Nhận xét – tuyên dương- Chuẩn bị tiết học sau  | - nấu cỗ, tô, cá rô, cá hố, rổ, đỗ, đĩa,…- Các tiếng có chứa chữ ô, dấu ngã.- HS quan sát GV viết tên bài- HS quan sát- Lắng nghe- HS đọc cá nhân- Tiếng có dấu ngã và tiếng không có .- muỗng, đĩa, muỗi, ngỗng,….- HS đọc cá nhân, đọc nhóm 2- Quan sát- Tiếng *cô* gồm có âm c, âm ô và dấu ngã, âm c đứng trước, âm ô đứng sau, dấu ngã trên đầu âm ô.- Đánh vần: cờ - ô - cô- Quan sát- Tiếng *cỗ* gồm âm c và âm ô, âm c đứng trước, âm ô đứng sau, dấu ngã trên đầu âm ô.- Đánh vần: cờ - ô – cô – ngã – cỗ- Âm ô- cờ – ô - cô- HS đọc cá nhân, đọc nhóm đôi cho nhau nghe.- Âm ô- cờ - ô – cô – ngã – cỗ- Đọc cá nhân, đọc nhóm đôi cho nhau nghe.- Chữ ô cao 2 ô li, rộng 1,5 ô li, gồm nét cong khép kín, dấu mũ- HS quan sát, - HS viết- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn.- Viết chữ c trước, viết chữ ô sau, chú ý nét nối giữa 2 con chữ.- HS viết- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn.- Viết chữ c trước, viết chữ ô sau, dấu ngã trên đầu âm ô, chú ý nét nối giữa 2 con chữ.- HS viết- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn.- Số cao 2 ô li, rộng 1,5 ô li. - Viết vở.- HS nhận xét bài viết của mình và của bạn.- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.- cô, cổ, bố( tùy năng lực mà các em nêu từ hoặc câu).- Trả lời…- ô tô, chỗ, tổ,….- Đọc - Tìm- Đánh vần- Trả lời được câu hỏi: Ai có cỗ?, cỗ của ai?- Tìm ra nội dung tranh. - Hát bài em tập lái ô tô- Lắng nghe- Thực hiện- Bài v |

4. Điều chỉnh sau bài học: ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………